

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HỒNG  
NGỌC**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ  
TƯ VẤN XÂY DỰNG HỒNG NGỌC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG NGOC TRADING SERVICE AND  
CONSTRUCTION CONSULTANCY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109057452

**3. Ngày thành lập:** 07/01/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, Ô đất số 47 - lô 6, khu đô thị Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu  
Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 24. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                     | 7110(Chính) |
| 25. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                          | 7120        |
| 26. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                               | 7212        |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                          | 7410        |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730        |
| 29. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121        |
| 30. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                       | 8129        |
| 31. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130        |

**6. Vốn điều lệ:** 86.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO NGUYỄN TRUNG KIÊN | Khu 9, Phường Bến Tầm, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                  | 42.140.000.000        | 49,000    | 142241069                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ NGỌC       | Thôn Lũng Loét, Xã Ngọc Linh, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam                | 43.860.000.000        | 51,000    | 073381059                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/03/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 073381059

Ngày cấp: 11/05/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Lũng Loét, Xã Ngọc Linh, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Lũng Loét, Xã Ngọc Linh, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội